UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
KHOÁ 42 (2015 - 2017)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi tốt nghiệp				ĐTB TN	ĐTBC TK	ĐXL TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú (Số %HT thi lại)
			Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề nghiệp	Đồ án (Nếu có)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I- NGÀNH: ĐIỆN CÔNG NGHIỆP VÀ DÂN DỤNG (42ĐCN)											
1	Trần Ngọc Anh	30/01/1992	8	9	9		8.7	**7.6**	**8.2**	**Giỏi**	
2	Đào Phú Cường	4/6/1994	7	6	8		7.0	**6.1**	**6.6**	**Trung bình khá**	
3	Công Minh Đức	15/07/1995	7	7	7		7.0	**6.4**	**6.7**	**Trung bình khá**	
4	Nguyễn Đức Giang	3/1/1995	8	7	8		7.7	**6.4**	**7.1**	**Khá**	
5	Nguyễn Văn Hảo	13/07/1997	8	8	8		8.0	**7.0**	**7.5**	**Khá**	
6	Trịnh Như Hoàn	19/06/1997	8	7	8		7.7	**6.9**	**7.3**	**Khá**	
7	Dương Nhật Hoàng	14/07/1991	8	8	7		7.7	**6.9**	**7.3**	**Khá**	
8	Nguyễn Đình Hùng	30/04/1995	8	8	8		8.0	**6.7**	**7.4**	**Khá**	
9	Nguyễn Xuân Lương	1/1/1996	8	8	9		8.3	**7.1**	**7.7**	**Khá**	
10	Lưu Tuấn Nghĩa	25/06/1994	7	7	8		7.3	**6.8**	**7.1**	**Khá**	
11	Phan Văn Thanh	27/08/1996	7	8	9		8.0	**7.1**	**7.6**	**Khá**	
12	Đoàn Xuân Thuận	20/05/1994	9	6	8		7.7	**6.7**	**7.2**	**Khá**	
13	Đỗ Đức Trung	10/9/1997	7	8	9		8.0	**7.1**	**7.6**	**Khá**	
II- NGÀNH: BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ NHIỆT (41ML)											
14	Nguyễn Văn An	28/12/1996	7	8	8		7.7	**7.1**	**7.4**	**Khá**	
15	Nguyễn Quốc Anh	22/10/1997	7	8	8		7.7	**7.0**	**7.4**	**Khá**	
16	Hà Mạnh Bình	2/5/1996	8	9	9		8.7	**7.9**	**8.3**	**Giỏi**	
17	Lại Hữu Hoàng Duy	22/03/1989	8	8	8		8.0	**6.9**	**7.5**	**Khá**	
18	Nguyễn Văn Dụng	3/4/1997	7	7	9		7.7	**7.2**	**7.5**	**Khá**	
19	Đinh Công Điệp	16/01/1996	7	7	8		7.3	**7.1**	**7.2**	**Khá**	
20	Dương Thành Đô	17/07/1997	7	8	8		7.7	**7.3**	**7.5**	**Khá**	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi tốt nghiệp				ĐTB TN	ĐTBC TK	ĐXL TN	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú (Số %HT thi lại)
			Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề nghiệp	Đồ án (Nếu có)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
21	Nguyễn Đình Hải	17/01/1992	7.5	9	9		8.5	**7.8**	**8.2**	**Giỏi**	
22	Nguyễn Xuân Hinh	27/02/1997	7	8	9		8.0	**7.2**	**7.6**	**Khá**	
23	Trần Văn Hợp	17/06/1997	7	8	9		8.0	**7.3**	**7.7**	**Khá**	
24	Đặng Văn Huy	7/3/1997	6	8	9		7.7	**7.5**	**7.6**	**Khá**	
25	Bùi Ngọc Hùng	14/02/1993	7.5	8	9		8.2	**7.2**	**7.7**	**Khá**	
26	Tô Văn Kiên	7/12/1996	7	8	9		8.0	**7.6**	**7.8**	**Khá**	
27	Lê Huy Mạnh	18/04/1997	8	8	9		8.3	**8.1**	**8.2**	**Giỏi**	
28	Nguyễn Văn Nghĩa	12/12/1995	7.5	8	8		7.8	**6.9**	**7.4**	**Khá**	
29	Trần Trọng Nhân	28/06/1997	8	8	8		8.0	**7.0**	**7.5**	**Khá**	
30	Vũ Bá Quang	19/06/1996	7	8	8		7.7	**7.0**	**7.4**	**Khá**	
31	Hồ Sỹ Quang	10/1/1994	7	9	9		8.3	**7.3**	**7.8**	**Khá**	
32	Đặng Xuân Thái	23/07/1995	8	8	8		8.0	**7.2**	**7.6**	**Khá**	
33	Vũ Đức Thảo	4/7/1997	7	8	9		8.0	**7.4**	**7.7**	**Khá**	
34	Đào Ngọc Thắng	7/8/1997	7	8	8		7.7	**7.0**	**7.4**	**Khá**	
35	Nguyễn Văn Thắng	4/5/1995	8	8	9		8.3	**8.0**	**8.2**	**Giỏi**	
36	Trần Văn Thuận	1/7/1994	7	8	8		7.7	**7.5**	**7.6**	**Khá**	
37	Nguyễn Văn Tiến	19/10/1997	7	8	8		7.7	**7.2**	**7.5**	**Khá**	
38	Giáp Huy Tĩnh	6/11/1997	7	8	8		7.7	**7.2**	**7.5**	**Khá**	
39	Đinh Thế Toàn	26/09/1997	7	9	8		8.0	**7.6**	**7.8**	**Khá**	
40	Phạm Văn Trường	4/10/1995	7	8	8		7.7	**6.8**	**7.3**	**Khá**	

Tổng số : 40 học sinh

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP
KHÓA 41 (2014 - 2016)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Điểm thi tốt nghiệp				ĐTB TN	ĐTBC TK	Ghi chú (Số %HT thi lại)
			Chính trị	Lý thuyết tổng hợp	Thực hành nghề nghiệp	Đồ án (Nếu có)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	12
I- NGÀNH: BẢO TRÌ VÀ SỬA CHỮA THIẾT BỊ NHIỆT (41ML)									
1	Trần Mạnh Cường	6/1/1996	0	0	0		**0.0**	6.8	

Tổng số : 01 học sinh